

Bản án số: 17/2018/KDTM-PT

Ngày: 27-6-2018

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Triệu Thị Huỳnh Hoa

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quý

Ông Nguyễn Công Sự

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Nguyễn Ngọc Lan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 17 tháng 5 và 27 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2017/TLPT-KDTM, ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2018/QĐ-PT, ngày 28 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 36/2018/QĐ-PT, ngày 24 tháng 4 năm 2018, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 45/2018/QĐ-PT, ngày 17 tháng 5 năm 2018 và Thông báo tiếp tục phiên tòa số: 20/2018/TB-TA, ngày 19 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty cổ phần A.

Địa chỉ: phường C, quận E, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn N – Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Chí T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: phường Đ, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn B.

Địa chỉ: xã K, huyện L, Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị O – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: phường I, thành phố Y, tỉnh Đồng Nai. (Văn bản ủy quyền ngày 29/6/2016).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty cổ phần A.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L.

(Ông T và ông H có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/12/2015 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Chí T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty cổ phần A trình bày:

Ngày 24/12/2013, Công ty cổ phần A (sau đây gọi tắt là Công ty A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ký hợp đồng kinh tế số: 399/APS-PVTEX. Theo nội dung hợp đồng, Công ty A bán cho Công ty B lô sản phẩm sợi DTY 150D/48F-C, khối lượng 18,3812 tấn, với giá 30.000.000 đồng/tấn, tổng giá trị lô hàng là 606.579.600 đồng. Trong vòng 05 ngày kể từ ngày hợp đồng được ký kết, Công ty B có trách nhiệm thanh toán trước cho Công ty A số tiền 606.579.600 đồng, tương đương 100% giá trị hợp đồng. Trong vòng 10 ngày sau khi kết thúc nhận hàng, căn cứ vào lượng hàng thực tế được giao nhận hai bên tiến hành quyết toán toàn bộ hợp đồng theo giá trị hàng hóa thực tế phát sinh.

Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty A đã giao hàng đầy đủ cho Công ty B (theo phiếu xuất kho ngày 11/02/2014) và phát hành hóa đơn thanh toán theo quy định nhưng Công ty B không thanh toán tiền hàng hóa đã mua như thỏa thuận của hợp đồng.

Tại đơn khởi kiện, Công ty A khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty B thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng kinh tế số: 399/APS-PVTEX, ngày 24/12/2013 là 606.579.600 đồng và của hợp đồng khác là 891.740 đồng.

Nay Công ty A khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty B thanh toán số tiền còn nợ là 606.579.600 đồng và lãi suất phát sinh do chậm thanh toán từ ngày 29/12/2013 đến ngày 08/11/2016 là $1.045 \text{ ngày} \times 9\% \times 606.579.600 \text{ đồng} = 156.133.589 \text{ đồng}$, tổng số tiền gốc và lãi là 762.713.189 đồng. Công ty A xin rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc Công ty B thanh toán số tiền 891.740đ.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Ngọc H là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn B trình bày:

Công ty A bán cho Công ty P lô hàng sản phẩm sợi DTY 150D/48F-A, khối lượng 18,3812 tấn, sau đó Công ty P bán lại cho Công ty V nhưng do chất lượng sản phẩm không đúng nên Công ty V trả lại lô hàng, Công ty P không nhận lại lô hàng mà yêu cầu Công ty A nhận trực tiếp từ Công ty V. Sau đó, Công ty A nhận

hàng tại Công ty V và đề nghị được gửi lô hàng trên tại kho của Công ty B. Sau khi Công ty A đề nghị, Công ty B tiến hành bốc dỡ hàng hóa và vận chuyển về kho của Công ty B, khi đó không ký hợp đồng thuê kho và hợp đồng vận chuyển vì Công ty A nói sẽ ký hợp đồng sau nên hai bên chỉ ký biên bản ký gửi hàng hóa.

Sau khi ký gửi lô hàng tại kho của Công ty B, Công ty A đề nghị Công ty B mua lại lô hàng trên. Do quan hệ hợp tác lâu năm và có rất nhiều giao dịch nên Công ty B tin tưởng và đồng thời muốn hỗ trợ Công ty A nên đã đồng ý mua lại lô hàng trên.

Ngày 24/12/2013, Công ty B ký hợp đồng số: 399/APS-PVTEX với Công ty A. Theo thỏa thuận của hợp đồng, Công ty B mua lô sản phẩm sợi DTY 150D/48F-C, khối lượng 18,3812 tấn với giá 30.000.000 đồng/tấn, tổng giá trị lô hàng là 606.579.600 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, Công ty B tiến hành kiểm tra chất lượng, chủng loại hàng hóa thì không đúng như thỏa thuận của hợp đồng hai bên đã ký, thực tế hàng hóa không còn giá trị sử dụng do thời gian sản xuất quá lâu nhưng Công ty A không thông báo cho Công ty B được biết. Ngay sau khi phát hiện sự việc, Công ty B liên hệ với Công ty A để giải quyết sự việc và yêu cầu Công ty A nhận lại hàng hóa nhưng Công ty A không giải quyết dẫn đến tranh chấp kéo dài.

Nay Công ty A khởi kiện buộc Công ty B phải thanh toán số tiền 606.579.600 đồng và tiền lãi phát sinh là 156.133.589 đồng thì Công ty B không đồng ý vì hợp đồng ký kết giữa các bên chưa có hiệu lực và hàng hóa không đúng chủng loại, chất lượng như hợp đồng đã ký kết.

Công ty B xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty A thanh toán tiền thuê kho từ ngày 24/11/2012 đến ngày 11/02/2014 là 330.000.000 đồng và tiền vận chuyển lô hàng từ Long An về kho của Công ty B là 16.500.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện L căn cứ Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 39 Luật thương mại; Pháp lệnh số: 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty B về việc thanh toán số tiền 606.579.600 đồng và tiền lãi phát sinh là 156.133.589 đồng.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty B về việc thanh toán số tiền 891.740 đồng.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty B đối với Công ty A về việc thanh toán tiền vận chuyển hàng hóa là 16.500.000 đồng và tiền thuê kho là 330.000.000 đồng.

Về án phí: Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 34.508.527 đồng. Hoàn trả cho Công ty B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

8.662.500 đồng (theo biên lai thu số: 008881, ngày 26/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2017, nguyên đơn Công ty A kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 29/8/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L kháng nghị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty A xác định chỉ yêu cầu Công ty B thanh toán giá trị hàng hóa là 606.579.600 đồng, không yêu cầu lãi suất. Công ty B đồng ý thanh toán cho Công ty A số tiền hàng hóa còn nợ là 606.579.600 đồng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đối với việc Công ty A yêu cầu Công ty B thanh toán tiền hàng hóa là 606.579.600 đồng và lãi suất là 156.133.589 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty A xác định chỉ yêu cầu Công ty B thanh toán giá trị hàng hóa là 606.579.600 đồng, không yêu cầu lãi suất. Công ty B đồng ý thanh toán cho Công ty A số tiền hàng hóa còn nợ là 606.579.600 đồng. Các bên thỏa thuận thống nhất phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 15/7/2018, Công ty B thanh toán cho Công ty A số tiền 50.000.000 đồng;

- Ngày 15 hàng tháng, Công ty B thanh toán cho Công ty A mỗi tháng 20.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 15/8/2017 cho đến khi thanh toán hết số tiền.

Trong trường hợp ngày 15 hàng tháng là ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, thời hạn Công ty B thanh toán cho Công ty A là ngày làm việc tiếp theo.

Trường hợp Công ty B chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì Công ty B phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả cho Công ty A theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí: Các đương sự thống nhất thỏa thuận mỗi bên chịu 50% án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa Công ty A và Công ty B đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty A, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện L, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

[2] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm do không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Các đương sự không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.131.592 đồng và Công ty A phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.131.592 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009.

Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2017/KDTM-ST, ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa Công ty cổ phần A và Công ty trách nhiệm hữu hạn B về việc: “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 606.579.600 đồng. Phương thức thanh toán như sau:

- Ngày 15/7/2018, Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty cổ phần A số tiền 50.000.000 đồng;

- Ngày 15 hàng tháng, Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty cổ phần A mỗi tháng 20.000.000 đồng, bắt đầu từ ngày 15/8/2017 cho đến khi thanh toán hết số tiền 606.579.600 đồng.

Trong trường hợp ngày 15 hàng tháng là ngày thứ bảy, chủ nhật, ngày nghỉ lễ, thời hạn Công ty trách nhiệm hữu hạn B thanh toán cho Công ty cổ phần A là ngày làm việc tiếp theo.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty cổ phần A, nếu Công ty trách nhiệm hữu hạn B chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì Công ty trách nhiệm hữu hạn B còn phải trả tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất cơ bản

do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần A đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn B về việc yêu cầu thanh toán số tiền 891.740 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu phản tố của Công ty trách nhiệm hữu hạn B đối với Công ty cổ phần A về việc yêu cầu thanh toán tiền vận chuyển hàng hóa là 16.500.000 đồng và tiền thuê kho là 330.000.000 đồng.

4. Về án phí:

Công ty cổ phần A phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.131.592 đồng. Được tính trừ vào số tiền 20.054.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số: 004400, ngày 23/3/2016, số: 009371, ngày 12/12/2016 và số: 006762, ngày 21/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L). Hoàn trả cho Công ty cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 5.922.408 đồng.

Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải nộp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 14.131.592 đồng. Được tính trừ vào số tiền 8.662.500 đồng tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai số: 008881, ngày 26/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L), Công ty trách nhiệm hữu hạn B phải nộp tiếp số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5.469.092 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Triệu Thị Huỳnh Hoa**

